

## **BÀI 16**

# **MUỐN LÀM THẰNG CUỘI**

### **ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

#### **I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Giúp HS :

– Hiểu được tâm sự của nhà thơ lãng mạn Tản Đà : buồn chán trước thực tại đen tối và tầm thường, muốn thoát li khỏi thực tại ấy bằng một ước mộng rất "ngông".

– Cảm nhận được cái mới mẻ trong hình thức một bài thơ thất ngôn bát cú (Đường luật) của Tản Đà : lời lẽ thật giản dị, trong sáng, rất gần với lối nói thông thường, không cách điệu, xa vời ; ý tứ hàm súc, khoáng đạt, cảm xúc bộc lộ thật tự nhiên, thoải mái ; giọng thơ thanh thoát, nhẹ nhàng pha chút hóm hỉnh duyên dáng.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. GV cần tìm hiểu thêm về hồn thơ Tản Đà để có thể cảm nhận dễ dàng hơn tâm sự của tác giả gửi gắm trong bài thơ này. Vốn xuất thân nhà nho, nhưng lại sống giữa thời buổi Nho học đã tàn tạ, Tản Đà đã sớm chuyển sang cầm cây bút sắt "mà sinh nhai lối dọc đường ngang". Là một nghệ sĩ có tài, có tình, có cá tính độc đáo, có nhân cách cao thượng, sáng trong, Tản Đà không muốn hoà nhập với xã hội thực dân phong kiến đầy rẫy những chuyện xấu xa, nhơ bẩn, hỗn tạp, xô bồ, bon chen danh lợi. Ông tìm cách thoát li vào rượu, thơ, vào cõi mộng, cõi tiên, vào lối sống phóng túng, khoáng đạt của khách tài tử đa tình. Ông là thi sĩ Việt Nam đầu tiên dám hiện diện trong thơ với "cái tôi" đầy đủ bản ngã của mình : cái tôi sâu mộng đa tình, cái tôi ngông nghênh phớt đời, cái tôi cảm thương, ưu ái,... Thơ Tản Đà đã thổi một luồng gió lãng mạn mới mẻ trên thi đàn Việt Nam, đặc biệt là vào những năm 20 của thế kỉ XX "với cái buồn mơ màng, cái xúc cảm chơi vơi của cái tôi" (Xuân Diệu). Về tâm trạng thời đại đó, thi sĩ Xuân Diệu đã viết : "Có ai đã sống những ngày tháng u uất từ 1925 trở về đến 1935 chắc đều đã nhận thấy xã hội ta lúc đó sống trong một không khí tù hãm, u uất, phàm ai có đầu óc đều muốn thoát li, mà không thoát li cho nổi (chỉ có những người làm cách mạng mới sang một hệ thống, một phạm trù tư tưởng, tình cảm, tâm trạng khác). Muốn giải khuây người ta mượn thơ văn, để tìm thấy mình trong đó, ngơ hầu thơ văn có thốt hộ ra lời nói cái điều gì mà mình chỉ cảm thấy mờ mờ (cái mà châu Âu gọi là "cái mù mờ của những đam mê khát vọng"). Vì vậy, thuở ấy người ta đọc thơ nhiều. Tản Đà, qua những thơ văn trước tác hồi đó, đã nói lên đúng cái sâu bàng bạc trong đất nước, tiềm tàng trong tim gan người ta" (*Tìm hiểu về Tản Đà*, in trong *Tuyển tập Tản Đà*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986). Thơ Tản Đà do thế có một chỗ đứng đặc biệt trong nền thơ hiện đại Việt Nam. Tác giả *Thi nhân Việt Nam* (Hoài Thanh – Hoài Chân) đã rất có lí khi *Cung chiêu anh hồn Tản Đà* ra chứng giám Hội Tao đàn (ý nói phong trào Thơ mới) của thế kỉ XX : "Tiên sinh đã cùng chúng tôi chia sẻ một nỗi khát vọng thiết tha, nỗi khát vọng thoát li ra ngoài cái tù túng, cái giả dối, cái khô khan của khuôn sáo. Đôi bài thơ của tiên sinh ra đời từ hơn 20 năm trước đã có một giọng phóng túng riêng. Tiên sinh đã dạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hoà nhạc tân kì đang sắp sửa [...]. Tiên sinh còn giữ được của thời trước cái cốt cách vững vàng, cái phong thái ung dung. Đời tiên sinh tuy bơ vơ, hồn tiên sinh còn có nơi nương tựa. Tiên sinh đã đi qua giữa cái hỗn độn của xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX với tấm lòng bình thản của một người thời trước...".

2. Giảng bài thơ này, GV nên chú ý đến giọng điệu mới mẻ của thể thơ thất ngôn bát cú (Đường luật). Vẫn số câu, chữ ấy, ý tứ vẫn hàm súc, chất chứa tâm trạng, nhưng nó không mực thước, trang trọng, đặng đối như bài *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan), cũng không ngang tàng, kì vĩ hào hùng như *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* (Phan Bội Châu) hay *Đập đá ở Côn Lôn* (Phan Châu Trinh). Ở bài thơ này, giai điệu thật là nhẹ nhàng, thanh thoát, pha chút tình tứ, hóm hỉnh, có nét phóng túng, ngông nghênh của một hồn thơ lãng mạn thoát li ở thời kì đầu. Lời thơ giản dị, trong sáng, gần với những lời nói thông thường. Vẫn luật chặt chẽ của thể thơ không còn là thứ trói buộc hồn thi sĩ, chữ nghĩa tuy chưa mới mẻ nhưng điệu tâm hồn mới đã tiếp sinh khí cho nó, cảm xúc, tâm sự cứ tự nhiên tuôn chảy như không hề câu nệ một khuôn sáo nào. Súc hấp dẫn của bài thơ chính là ở đó.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

#### **Hoạt động 1.** Giới thiệu bài.

GV nên gợi không khí thời đại những năm 20 của thế kỉ XX để HS có thể cảm nhận cái hay của bài thơ (xem mục II.1. ở trên).

#### **Hoạt động 2.** Hướng dẫn đọc văn bản và tìm hiểu chú thích.

– Đọc diễn cảm, thể hiện giọng điệu mới mẻ so với các bài thất ngôn bát cú Đường luật đã học.

– Giải thích rõ thêm ý "thơ Tản Đà như một gạch nối..." và lưu ý đọc kĩ các chú thích 2, 3, 4 và 5.

#### **Hoạt động 3.** Hướng dẫn đọc – hiểu văn bản.

##### 1. Phân tích hai câu thơ đầu.

– Đây là lời tâm sự của tác giả với chị Hằng trong một đêm thu, nó đột khởi lên như một tiếng than, một nỗi lòng, một tâm trạng, nói như Xuân Diệu, đó là "tiếng của trái tim, tiếng của linh hồn", là "cái gì quý báu nhất của một thi sĩ".

– Tiếng than đó chất chứa một nỗi sầu da diết khôn nguôi, tác giả diễn tả qua hai tiếng giản dị mà hàm súc : "buồn lắm". Đó cũng là nỗi buồn bàng bạc trong hầu khắp các bài thơ của Tản Đà mà có lúc thi sĩ đã dẫn giải thật cụ thể trong một bài văn xuôi ngắn *Giải sầu* : "Từ độ sầu đến nay, ngày cũng có lúc sầu, đêm cũng có lúc sầu. Mưa dầm lá rụng mà sầu, trăng trong gió mát mà

càng sâu ; một mình tịch mịch mà sâu, đông người cười nói mà càng sâu, nằm vắt tay lên trán mà sâu, đem thơ văn ngâm vịnh mà càng sâu... Sâu không có mối, chém sao cho đứt ; sâu không có khối, đập sao cho tan...". Đó là lí do khiến Tản Đà "muốn làm thằng Cuội".

– Cái sâu ở bài thơ này là cộng hưởng nỗi buồn đêm thu với nỗi chán đời. Nỗi buồn đêm thu đã là cái thường tình thi sĩ, còn nỗi chán đời có duyên cớ vì đâu mà nó đậm đặc trong thơ Tản Đà đến thế ? (GV có thể trích đọc thêm một số câu trong các bài thơ khác như : "Đời đáng chán biết thôi là đủ – Sự chán đời xin nhủ lại tri âm", hay "Gió gió mưa mưa đã chán phèo – Sự đời nghĩ đến lại buồn teo"). GV cũng có thể đọc cho HS nghe ý kiến của Xuân Diệu về tâm trạng thời đại (đã ghi ở mục *Những điều cần lưu ý*) và dẫn giải thêm về bối cảnh lịch sử đầu thế kỉ XX để thấy trong cái sâu tưởng như vô cớ ấy kì thực đã bao quát rất nhiều điều : có nỗi ưu thời mẫn thế trước sự tồn vong của đất nước, của dân tộc, có nỗi đau nhân sinh trước những cảnh đời "gió gió mưa mưa", có nỗi cô đơn, thất vọng, bế tắc của thân thế cá nhân mình, "Hai mươi năm lẻ hoài cơm áo – Mà đến bây giờ có thể thôi". Bởi thế Tản Đà cảm thấy bất hoà sâu sắc với xã hội và muốn thoát li khỏi cuộc đời đáng chán nản.

2. Phân tích các cặp câu 3 – 4, 5 – 6. Tùy theo trình độ HS trong lớp, GV có thể tách câu hỏi ra làm 2 phần, phần trên dành cho HS khá giỏi, sau đó GV tổng kết lại rồi để cả lớp phân tích cái "ngông" của Tản Đà trong bài thơ này.

– Tản Đà là một hồn thơ "ngông", chính Tản Đà đã tự nhận mình vốn xưa là một vị tiên trên đời, bị đày xuống hạ giới vì tội "ngông", đã từng viết bài thơ "Dạ bán áo đoan" để mà "mua giấy viết ngông". Ngông có nghĩa là làm những việc trái với lẽ thường, khác với mọi người bình thường. Ngông trong văn chương thường biểu hiện bản lĩnh của con người có cá tính mạnh mẽ, có mối bất hoà sâu sắc với xã hội, không chịu ép mình trong khuôn khổ chật hẹp của lễ nghi, lễ thói thông thường, lấy sự ngông ngạo để chống đối lại cái vòng cương toả khắc nghiệt đang kìm hãm sự phát triển hợp quy luật của con người. Ngông là sản phẩm của xã hội phong kiến chuyên chế, không tôn trọng cá tính con người. (Ví dụ : Nguyễn Công Trứ lấy mo cau che đít bò đứng đỉnh cưỡi lên chùa trong *Bài ca ngất ngưởng*, Tú Xương tìm đến lối sống của chú Mán "Không đội nón, chịu màu da dãi nắng – Chẳng nhuộm răng, để trắng để cười đời" trong bài *Bản nhĩ lục*).

– Tản Đà đã *ngông* khi chọn cách xưng hô thân mật, thậm chí hơi suồng sã với chị Hằng (gọi là *chị* và xưng *em*), khi dám lên tận trời cao, tự nhận mình là tri

kỉ, tri âm, xem chị Hằng như một người bạn tâm tình để giải bày mọi nỗi niềm sâu kín (hai câu thơ trên). Tản Đà cũng rất ngông trong ước nguyện "muốn làm thằng Cuội". GV có thể nhắc cho HS nhớ lại truyền thuyết về sự tích mặt trăng và bài đồng dao *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa...* rồi gợi cho các em tìm hiểu tứ thơ lãng mạn rất lí thú ở câu 3 – 4 của bài. Bám rất sát các chi tiết trong truyền thuyết, trước hết tác giả đặt một câu hỏi thăm dò (*Cung quế đã ai ngồi đó chưa ?*) rồi tiếp luôn một lời cầu xin chị Hằng hãy thả một "cành đa" xuống để "nhắc" mình lên cung trăng với chị. Thật là mơ mộng và cũng thật là tình tứ. Tâm hồn lãng mạn của thi nhân đã tìm được một địa điểm thoát li lí tưởng và tuyệt đối, bởi lên đến đây là có thể hoàn toàn xa lánh được cái "cõi trần nhem nhuốc" mà ông đã chán ghét.

– Nhưng khát vọng của Tản Đà không chỉ là trốn chạy và xa lánh. Đi vào cõi mộng, thi sĩ vẫn mang theo đầy đủ bản tính đa tình và "ngông" của mình, vẫn muốn được sống một cuộc sống đích thực với những niềm vui mà ở cõi trần ông không bao giờ tìm thấy. GV cho HS phân tích cặp câu 5 – 6 và tiếp tục giải đáp câu hỏi 2.

Hướng kết luận : GV có thể mở rộng ra một số bài thơ khác của Tản Đà để giúp HS cảm nhận được đầy đủ khát vọng của nhà thơ. Trong cõi trần, Tản Đà luôn cảm thấy buồn vì sự trống vắng, cô đơn và khắc khoải đi tìm những tâm hồn tri kỉ (*Chung quanh những đá cùng cây – Biết người tri kỉ đâu đây mà tìm*); luôn ao ước được thả hồn cùng mây gió (*Kiếp sau xin chớ làm người – Làm đôi chim nhận tung trời mà bay*). Giờ đây lên cung quế, Tản Đà được sánh vai bầu bạn với người đẹp Hằng Nga, được vui chơi thoải chí cùng mây gió. Còn gì thú vị hơn và làm sao có thể cô đơn, sầu tủi được ! Cảm hứng lãng mạn của Tản Đà mang đậm dấu ấn thời đại và đi xa hơn người xưa là ở chỗ đó.

### 3. Phân tích hai câu thơ cuối.

Hướng kết luận : Mạch cảm xúc lãng mạn và ngông được đẩy lên đến cao độ bằng một hình ảnh tưởng tượng đầy bất ngờ và ý vị của Tản Đà. Đêm Trung thu trăng sáng, đẹp, người người đều ngẩng đầu chiêm ngưỡng trăng thì nhà thơ lại đang ngồi trên cung trăng, tựa vai chị Hằng Nga để cùng ngắm thế gian và... cười. Cái cười ở đây có thể có cả hai ý nghĩa, vừa thoải mãn vì đã đạt được khát vọng thoát li mãnh liệt, đã xa lánh hẳn được cõi trần bụi bặm, vừa thể hiện sự mỉa mai, khinh bỉ cái cõi trần gian giờ đây chỉ còn là "bé tí" khi mình đã bay bổng được lên trên nó. Đó là đỉnh cao của hồn thơ lãng mạn và ngông của Tản Đà.

#### 4. Tổng kết.

– Nguồn cảm xúc mãnh liệt, dồi dào, vừa phóng túng, bay bổng, lại vừa sâu lắng, thiết tha, được biểu hiện một cách tự nhiên, thoải mái, nhuần nhị như giọng tâm tình thân mật với người bạn tri kỉ, tri âm.

– Lời lẽ giản dị, trong sáng, không gọt đẽo cầu kì mà vẫn mượt mà, ý nhị, giàu sức biểu cảm, lại rất đa dạng trong lối biểu hiện (khi than, khi nhắn hỏi, khi cầu xin).

– Sức tưởng tượng phong phú, táo bạo đã tạo ra được một giấc mộng kì thú với những chi tiết gợi cảm và bất ngờ (ví dụ : *Cành đa xin chị nhắc lên chơi*, hoặc hình ảnh độc đáo ở hai câu kết).

– Thể thơ Đường luật trong tay tác giả vẫn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy tắc về vần, luật nhưng hoàn toàn không còn gò bó, công thức.

#### **Hoạt động 4.** Hướng dẫn luyện tập.

1. Cho HS ôn lại phép đối trong hai cặp câu *thực* và *luận* của bài thơ thất ngôn bát cú (Đường luật) đã học ở bài 15, rồi nhận xét về giá trị của hai cặp câu đối nhau ở bài này (về ý tứ, về hình ảnh, ngôn từ).

2. Cho HS đọc diễn cảm bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan (đã học ở lớp 7) và bài thơ của Tản Đà, rồi phát biểu nhận xét về giọng điệu (xem ở mục *Những điều cần lưu ý*).